

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT KIẾN TẠO ĐỂ XÂY DỰNG QUY TRÌNH DẠY HỌC KIỂU BÀI NGHI THỨC LỜI NÓI TRONG HỘI THOẠI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Đặng Thị Lệ Tâm

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Email: letamsptn79@gmail.com

Article History

Received: 02/02/2020

Accepted: 25/02/2020

Published: 20/4/2020

Keywords

Constructivist theory, speech etiquette, Vietnamese, primary, process.

ABSTRACT

Communication competence is a specific competence of Vietnamese language and is also a common competency that needs to be formed and developed for students in schools. Constructivist theory is one of modern teaching views, promoting the active and positive role of students. Applying constructivist theory to teach speech etiquette in conversation for elementary students in a specific process is meaningful work, helping them improve their competencies to use language in learning and in communication.

1. Mở đầu

Đổi mới phương pháp dạy học là một trong những mục tiêu lớn mà ngành GD-ĐT đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Đổi mới phương pháp bắt đầu từ việc cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống theo hướng phát huy tính tích cực của người học, hướng vào người học, khắc phục lối “truyền thụ một chiều”. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu vận dụng các lý thuyết mới, quan điểm mới về dạy học như lý thuyết tình huống, lý thuyết kiến tạo (LTKT), dạy học dự án, lấy người học làm trung tâm, ... là một hướng được nhiều nhà sư phạm lựa chọn.

LTKT (Constructivism Theory) đã và đang là một trong những lý thuyết về dạy học vượt trội được sử dụng trong giáo dục bởi việc vận dụng LTKT trong dạy học đáp ứng được các yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày một số quan điểm của LTKT và việc vận dụng vào xây dựng quy trình dạy học kiểu bài *Nghi thức lời nói (NTLN) trong hội thoại* ở môn Tiếng Việt cho học sinh (HS) tiểu học.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Lý thuyết kiến tạo

LTKT xuất hiện đầu thế kỉ XX do Jean Piaget (1896-1980) - một nhà tâm lý học và triết học người Thụy Sĩ - khởi xướng và xây dựng. LTKT nghiên cứu quá trình phát triển nhận thức của con người. Lý thuyết này đã cho phép giải thích quá trình thụ đắc và lĩnh hội tri thức mới, đã và đang được ứng dụng trong nhiều ngành khoa học khác nhau, đặc biệt là trong giáo dục. LTKT có thể coi như là một triết học, một tri thức luận, một lý thuyết về nhận thức, một định hướng giáo dục. LTKT coi tri thức là một thể năng động được kiến tạo bởi chủ thể nhận thức, không là kết quả của một quá trình tiếp thu thụ động. Ở nhiều nước trên thế giới, lý thuyết này được chọn làm cơ sở khoa học cho đổi mới giáo dục.

Dạy học theo LTKT là kiểu dạy học không phải theo lối thông báo, “cho sẵn” mà là người học phải chủ động, tích cực tìm tòi, phát hiện và giải quyết các vấn đề học tập. Trong quá trình đó, người học phải nỗ lực tìm kiếm, tiếp nhận và xử lí, đánh giá sáng tạo để phát triển chính năng lực nền tảng của mình và đạt được kết quả học tập mong muốn.

Sau đây là một số luận điểm cơ bản của LTKT

- *Tri thức được tạo nên một cách tích cực bởi chủ thể nhận thức chứ không phải tiếp thu một cách thụ động từ bên ngoài.* Luận điểm này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và cũng hoàn toàn phù hợp với quan điểm của J.Piaget: “Những ý tưởng cần được trẻ em tạo nên chứ không phải được tìm thấy như một viên sỏi hoặc nhận được từ tay người khác như một món quà”. Trong quá trình chiếm lĩnh tri thức bằng kinh nghiệm, kiến thức đã có từ trước thông qua quá trình đồng hóa (assimilation) và điều ứng (accommodation). HS sẽ tự xây dựng cho mình một hệ thống tri thức có sắc thái riêng và có khả năng vận dụng hệ thống tri thức này vào giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra.

- *Nhận thức là một quá trình thích nghi và tổ chức lại thế giới quan của chính mỗi người. Nhận thức không phải là khám phá một thế giới độc lập đang tồn tại bên ngoài ý thức của chủ thể.* Luận điểm này cho thấy nhận thức không phải là quá trình HS thụ động thu nhận những kiến thức do giáo viên (GV) áp đặt lên, mà được diễn ra trong môi trường đặc biệt - đó là môi trường dạy học, có sự hướng dẫn của GV để từ đó chủ động tái tạo tri thức của nhân loại

trong chính bản thân HS. Ở đó, HS được khuyến khích vận dụng những kỹ năng đã có để thích nghi với những đòi hỏi của môi trường mới, từ đó hình thành nên tri thức mới.

- *Học là một quá trình mang tính xã hội, trong đó trẻ em dần tự hòa mình vào các hoạt động trí tuệ của người xung quanh.* Luận điểm này khẳng định vai trò của sự tương tác giữa các cá nhân trong quá trình học tập. Trong lớp học mang tính kiến tạo, HS không chỉ tham gia vào việc khám phá, phát minh mà còn tham gia vào cả quá trình xã hội bao gồm việc giải thích, trao đổi, đàm phán và đánh giá. Quá trình học tập không chỉ là quá trình diễn ra trong đầu óc mỗi cá nhân mà còn luôn có xu hướng vượt ra ngoài, tạo nên sự xung đột giữa các cá nhân trong quá trình nhận thức, đó là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình học tập của HS.

- *Những tri thức mới của mỗi cá nhân nhận được từ việc điều chỉnh lại thế giới quan của họ cần phải đáp ứng được những yêu cầu mà tự nhiên và thực trạng xã hội đặt ra.* Luận điểm này là định hướng cho việc dạy học theo quan điểm kiến tạo không chệch khỏi mục tiêu của giáo dục phổ thông, tránh tình trạng HS phát triển một cách quá tự do để dẫn đến hoặc là tri thức HS thu được trong quá trình học tập là quá lạc hậu, hoặc là quá xa vời với tri thức khoa học phổ thông, không phù hợp với lứa tuổi và đòi hỏi của thực tiễn.

- *HS đạt được tri thức mới theo quy trình: Tri thức đã có - Dự đoán - Kiểm nghiệm - Thất bại - Thích nghi - Tri thức mới.*

Đây có thể coi là chu trình học tập mang tính đặc thù của LTKT, thể hiện vai trò chủ động, tích cực và phản ánh sự sáng tạo không ngừng của HS trong quá trình học tập. Trong dạy học kiến tạo, những kiến thức để HS tiếp cận là những “kinh nghiệm” có trong bản thân mỗi HS, và hệ thống kiến thức đó sẽ được chính bản thân HS xây dựng lên bằng quá trình đồng hóa và điều ứng.

2.2. Dạy học nghị thức lời nói trong hội thoại trong môn Tiếng Việt ở tiểu học

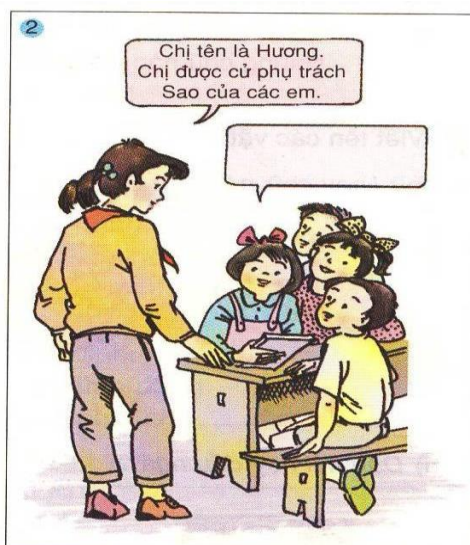
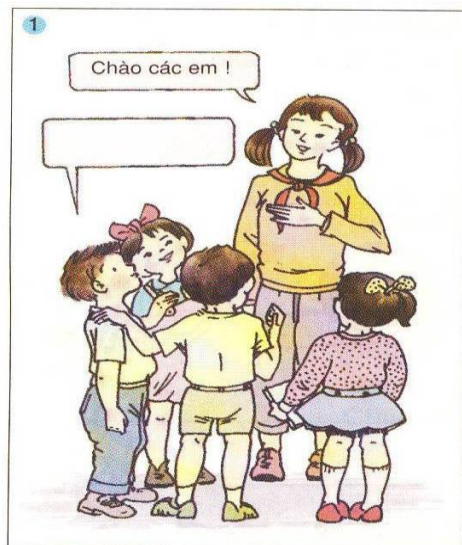
NTLN là những lời nói đã được xã hội quy thành chuẩn mực được dùng phổ biến trong giao tiếp. NTLN chủ yếu dùng khi mở đầu và kết thúc cuộc giao tiếp, dùng khi thực hiện các công việc giao tiếp với các mục đích khác nhau. Việc dạy NTLN trong Chương trình Tiếng Việt tiểu học hiện hành được thực hiện bắt đầu từ cuối lớp 1 và tập trung nhiều ở lớp 2, 3. Cấu trúc kiểu bài tập rèn NTLN trong hội thoại thường được chia làm 2 dạng:

Dạng 1: Đề bài kiểu bài tập này gồm một lời trao hay lời đáp. Cũng có khi sách giáo khoa dùng tranh ảnh mô tả tình huống giao tiếp, trong đó một nhân vật nói lời trao hay lời đáp. HS sẽ căn cứ vào các dữ kiện đã cho, đóng vai nhân vật còn lại để nói tiếp lời đáp hay lời trao là một NTLN.

Ví dụ 1: Nói lời đáp của em:

- *Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ.*
- *Rất tiếc cô không biết, vì cô không phải người ở đây.*
-(Tiếng Việt 2, tập 2; tr 58)

Ví dụ 2: Theo em, các bạn HS trong hai bức tranh sẽ đáp lại như thế nào? (Tiếng Việt 2, tập 2; tr 12).



Dạng 2: Đề bài tập gồm 2 hoặc 3 câu miêu tả tình huống giao tiếp, sau đó yêu cầu HS đưa ra một NTLN phù hợp.

Ví dụ 1: *Em quên chiếc áo mưa trong lớp, quay lại trường để lấy. Bác bảo vệ sắp đi nghỉ, thấy em xin vào, bác mở cửa nói: “Cháu vào đi!”. Em sẽ đáp lại thế nào? (Tiếng Việt 2, tập 2; tr 76).*

Ví dụ 2: *Bố đi công tác về, tặng em một gói quà. Mở gói quà ra, em rất ngạc nhiên và thích thú khi thấy một cái vỏ ốc rất to và đẹp. Em nói như thế nào để thể hiện sự ngạc nhiên và thích thú ấy? (Tiếng Việt 2, tập 1; tr 146).*

Dữ kiện của các dạng bài tập này là xuất hiện vai giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp, mục đích giao tiếp. Lệnh của bài tập yêu cầu tạo lập lời nói phù hợp với vai giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp, mục đích giao tiếp đã cho. Tình huống giao tiếp chung của dạng bài này có thể mô tả như sau: giữa các nhân vật xuất hiện những hoạt động (chào hỏi, nhờ vả, mua bán...), yêu cầu HS đóng vai và dùng NTLN để giao tiếp.

Kiểu bài tập này có *mục đích* rèn luyện cho HS tạo lập NTLN phù hợp với các yếu tố của quá trình giao tiếp: mục đích giao tiếp, ngữ cảnh giao tiếp, vai giao tiếp, thể hiện rõ nhất đặc trưng của bài tập dạy giao tiếp. Kết quả của bài tập không chỉ là các NTLN đúng cấu trúc cú pháp và đúng về logic ngữ nghĩa mà nó còn đúng với ngữ cảnh, vai và mục đích khi nói. Qua đó, rèn cho HS các kỹ năng cơ bản của hội thoại như: kỹ năng trao đáp lời, kỹ năng tương tác và kỹ năng đưa người khác vào hội thoại với mình.

2.3. Vận dụng Lí thuyết kiến tạo để xây dựng các hoạt động dạy học nghị thức lời nói trong hội thoại

Phương pháp dạy và học theo LTKT nhấn mạnh phát triển kiến thức, kỹ năng dựa trên hai hoạt động cơ bản là đồng hóa và điều chỉnh. Quá trình xây dựng, kiến tạo kiến thức mới là quá trình hoặc đồng hóa hoặc điều chỉnh giữa kiến thức có trước với kiến thức mới. Mỗi liên hệ này rất quan trọng và cũng nói lên kiến thức có trước quan trọng đến mức nào trong quá trình kiến tạo và hình thành kiến thức mới. Đúng như Tardif (1992) đã nhấn mạnh rằng, chúng ta chỉ có thể học được cái mà chúng ta đã biết. Cách tiếp cận theo thuyết kiến tạo giúp người học tổ chức, phân tích, dự báo, giải quyết vấn đề và suy nghĩ lại về những gì họ học được và đặc biệt là quá trình tiếp thu, lĩnh hội nó. GV có thể giúp đỡ người học bằng cách dạy cho họ những kỹ năng tư duy phù hợp với trình độ phát triển của họ, để họ có thể đi từ những kiến thức và những kỹ năng đã biết tới những kiến thức và kỹ năng chưa biết. Từ các quan điểm của LTKT nêu trên, ta có thể thấy kiểu bài NTLN trong hội thoại được xây dựng theo quy trình sau:

Các bước	Mục đích
1. Tạo hoàn cảnh giao tiếp (KHÁM PHÁ)	- Kích thích HS tự tìm hiểu xem các em đã biết gì về những kiến thức, kỹ năng sẽ được học. - Giúp GV đánh giá, xác định thực trạng kiến thức, kỹ năng của HS trước khi giới thiệu vấn đề mới.
2. Nhận biết kiến thức, kỹ năng bài học (KẾT NỐI)	- Giới thiệu thông tin, kiến thức và kỹ năng mới thông qua việc tạo câu nói liên kết giữa cái “đã biết” và “chưa biết”. Câu nói này sẽ kết nối kinh nghiệm hiện có của HS với bài học mới.
3. Thực hành tình huống mới (LUYỆN TẬP)	- Tạo cơ hội cho người học thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng mới vào những tình huống mới. - Điều chỉnh những hiểu biết và kỹ năng còn sai lệch.
4. Vận dụng kiến thức, kỹ năng (TRẢI NGHIỆM)	Tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào các tình huống mới.

2.4. Ví dụ minh họa

Trích đoạn giáo án: Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị

(Tiếng Việt 2 - tuần 8)

I. Mục đích, yêu cầu

- HS biết nói lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị phù hợp với từng tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Có năng lực giao tiếp tốt, mạnh dạn, tự tin; thái độ cởi mở khi nói lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị; chăm chú lắng nghe và phản hồi ý kiến người khác.

II. Đồ dùng dạy học

- Bảng phụ chép đoạn thơ kể về một tình huống.

III. Các hoạt động dạy học

1. Kiểm tra bài cũ

2. Dạy bài mới

Bước 1: Khám phá

- HS trao đổi thảo luận trong nhóm: Nêu các tình huống em mời/nhờ/yêu cầu, đề nghị một ai đó làm một việc gì. Em hãy miêu tả lại những tình huống đó.

- GV giới thiệu: Trong tiết Tập làm văn hôm nay, các em sẽ luyện nói một số câu trong giao tiếp với bạn bè, trong đó có sử dụng lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị phù hợp.

Bước 2: Nhận biết kiến thức kỹ năng bài học

- Gọi một HS đọc yêu cầu bài tập 1.

- Hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập: nói những *câu mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị* đối với bạn theo các tình huống:

a. Bạn đến thăm nhà em. Em mở cửa và *mời* bạn vào chơi.

b. Em thích một bài hát mà bạn đã thuộc. Em *nhờ* bạn chép lại cho mình.

c. Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em *yêu cầu (đề nghị)* bạn giữ trật tự để nghe cô giáo giảng bài.

GV hướng dẫn HS tập nói theo cặp: một em nêu tình huống, em khác nói câu mời (nhờ, yêu cầu hay đề nghị) và ngược lại.

- Từng cặp HS nói với nhau theo các tình huống trên, sau đó đóng vai nói trước lớp (2, 3 cặp). Ví dụ:

a) Tình huống 1- mời bạn vào nhà chơi:

HS 1 đến thăm nhà bạn, nói: - *Chào bạn!*

HS 2 mở cửa mời bạn vào và nói: - *A, Hùng, mời bạn vào đây!*

Hoặc: *Vào đây chơi với bọn mình, Hùng ơi!*

b) Tình huống 2 - nhờ bạn chép hộ bài hát:

- *Ngọc ơi, mình rất thích bài hát “Tia nắng hạt mưa”, bạn có thể chép hộ mình được không?*

- *Ngày mai mình có việc phải nghỉ học. Bạn có thể chép hộ mình bài hát “Quốc ca” được không?*

c) Tình huống 3 - yêu cầu (đề nghị) bạn giữ trật tự nghe cô giáo giảng bài

- *Suyt! Đừng nói chuyện nữa nhé!*

- *Huy ơi, đừng nói chuyện nữa kẻo cô giáo nhắc đấy!*

- GV và HS nhận xét các cặp thực hành đã xưng hô với nhau như thế nào, lời nói đã đúng/phù hợp với mục đích, yêu cầu của tình huống chưa? giọng nói đã biểu hiện thái độ thân mật, gần gũi, cởi mở chưa?

- GV nhắc HS: lời nói cần thể hiện thái độ lịch sự mà vẫn thân mật, gần gũi với bạn bè, không nên nói cộc lốc; cố gắng nói được nhiều câu có cách diễn đạt khác nhau.

Bước 3: Thực hành tình huống mới

GV treo bảng phụ có chép đoạn thơ kể về một tình huống như sau:

Có một chú cừu đen

Theo sườn núi đi lên

Đến một chiếc cầu vắng

Thì gặp anh cừu trắng.

Cừu trắng nói: “Nghe đây!

Vấn đề là thế này:

Cầu hẹp, không đi được,

Anh nhường tôi đi trước!”

Nếu em là Cừu đen, trong tình huống này, em sẽ nói lời đáp lại Cừu trắng như thế nào?

- HS thảo luận theo cặp và đóng vai Cừu trắng, Cừu đen để nói lời yêu cầu, đề nghị.

- GV cùng cả lớp đánh giá, kết luận.

GV nhắc HS: lời nói cần thể hiện thái độ lịch sự mà vẫn thân mật, gần gũi với bạn bè, không nên nói cộc lốc; cố gắng nói được nhiều câu có cách diễn đạt khác nhau.

Bước 4: Vận dụng, củng cố bài

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hành:

+ Xây dựng tình huống nói lời mời, nhờ, yêu cầu hay đề nghị; xây dựng các nhân vật nói lời mời, nhờ, yêu cầu hay đề nghị phù hợp.

+ Nói lời mời, nhờ, yêu cầu hay đề nghị với một số người thân trong gia đình.

- HS đổi vở cho bạn để bạn góp ý, hoàn thiện bài làm của bài tập 3.

- Chuẩn bị bài mới.

4 bước cơ bản nêu trên là những gợi ý dạy kiểu bài *Dạy học NTLN trong hội thoại*. Tiến hành theo hướng này, tiết học nhẹ nhàng, vui mà có ích. HS vừa học vừa chơi, chơi mà học. Các em nắm rất nhanh các quy tắc và nghi thức giao tiếp bằng lời, từ lần thực hành đóng vai lần thứ nhất (khám phá) đến thực hành đóng vai lần sau (kết nối/vận dụng) đã có sự tiến bộ rõ rệt. Các em đóng vai nhân vật đã biết cách sử dụng các NTLN và thể hiện thái độ, nét mặt, cử chỉ cho phù hợp.

3. Kết luận

LTKT ra đời cách đây nhiều thập kỉ, nhưng những giá trị khoa học của lí thuyết nhận thức này cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. LTKT đã chứng minh một cách thuyết phục quá trình phát triển nhận thức của con người từ lúc sơ sinh cho đến khi phát triển: kiến thức được kiến tạo trong hoạt động và thông qua hành động bằng hai quá trình đồng hóa và điều chỉnh. Các nghi thức giao tiếp và NTLN chỉ được hình thành khi người học được khám phá bài học bằng chính kinh nghiệm và cảm xúc của mình, được trải nghiệm qua các tình huống thực tế và được luyện tập, thực hành thường xuyên, liên tục, ở lớp cũng như ở nhà và các nơi khác. HS chỉ có kĩ năng khi các em tự làm việc đó, chứ không chỉ nói về việc đó.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2011). *Giáo dục kĩ năng sống trong các môn học ở tiểu học* (Tài liệu dành cho giáo viên). NXB Giáo dục Việt Nam.
- Jean Piaget (1999). *Tâm lí học và giáo dục học* (Trần Nam Lương và Phùng Lệ Chi dịch). NXB Giáo dục.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) - Nguyễn Thị Hạnh - Nguyễn Trại - Trần Hoàng Túy (2003). *Tiếng Việt 2, tập 2*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) - Trần Mạnh Hùng - Lê Phương Nga - Trần Hoàng Túy (2003). *Tiếng Việt 2, tập 1*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Quang Thuần (2017). *Từ lí thuyết kiến tạo đến lí thuyết kiến tạo xã hội*. Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài, tập 33, số 4, tr 137-148.
- Phạm Văn Hải (2013). *Bản chất và đặc trưng của lí thuyết dạy học kiến tạo*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 10, tr 75-81.
- Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên, 2016). *Dạy học tiểu học phát triển năng lực học sinh*. NXB Đại học Sư phạm.